

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 4 -2023
V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Trung Tuyển;

Ông Đỗ Văn Cận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị N, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Thôn K, xã P, huyện N, tỉnh Hải Dương; “vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1989; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm T, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị N trình bày:

Chị và anh Phạm Văn D tự nguyện tìm hiểu, được Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22- 7- 2019. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D không chịu khó, tu chí làm ăn để chăm lo cho cuộc sống

gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa đề nghị Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy giải quyết cho chị được ly hôn anh **Phạm Văn D**.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là **Phạm Thị Quỳnh A**, sinh ngày 20- 8- 2020. Hiện nay, con chung đang ở cùng chị, ly hôn chị nhận nuôi con chung, không yêu cầu anh **D** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn anh **Phạm Văn D***: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **D**, nhưng anh **D** không có quan điểm và không đến Tòa án để làm việc.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại **xã G, huyện G, tỉnh Nam Định***: Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng và nuôi con chung như chị **Đặng Thị N** trình bày là đúng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị N**. Về con chung, giao cho chị **Đặng Thị N** tiếp tục nuôi dưỡng con chung là **Phạm Thị Quỳnh A**, sinh ngày 20- 8- 2020. Chị **N** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Đặng Thị N** có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh **Phạm Văn D** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị N** và anh **Phạm Văn D** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được **UBND xã G** cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị **N** có đơn xin ly hôn anh **D**, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **D**, nhưng anh **D** không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, anh **D** không còn tha thiết đến cuộc sống chung của vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị **N** và anh **D** đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị **N** xin ly hôn anh **D** là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Phạm Thị Quỳnh A**, sinh ngày 20- 8- 2020, hiện đang ở cùng chị **N**. Xét nguyện vọng của chị **N**, ý kiến của địa phương **xã G**, nay giao cháu **Phạm Thị Quỳnh A** cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị **N** không yêu cầu anh **D** phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội

đồng xét xử không xem xét. Anh **D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **N** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị **Đặng Thị N** và anh **Phạm Văn D**.

2. Về con chung: Giao chị **Đặng Thị N** tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là **Phạm Thị Quỳnh A**, sinh ngày 20- 8- 2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh **Phạm Văn D** không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Đặng Thị N** phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị **Đặng Thị N** đã nộp theo biên lai thu số 0000319 ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (chị **N** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Đặng Thị N** và anh **Phạm Văn D** có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ông Ngọc Lễ

